

Bản tin Phân tích kỹ thuật

30/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 gặp cản trở tại vùng 1.830 điểm (vùng giá cao phiên 27/03). Tuy nhiên, cuối ngày, hợp đồng đóng cửa trên đường MA20, thể hiện đà hồi phục vẫn lấn át. (M15)
- Dự báo 4111G4000 sẽ tiếp cận lại khu vực 1.820-1.830 điểm trong phiên 31/03. Khuyến nghị mở vị thế mua tại 1.802 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới 1.795 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.802 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.820 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.795 điểm

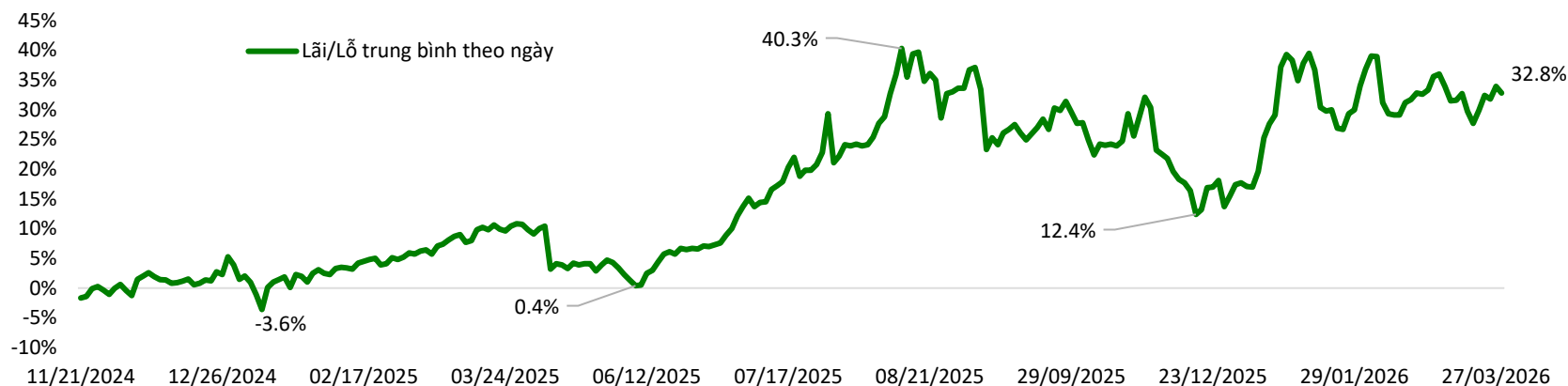
Quan điểm kỹ thuật



- Về trạng thái cung cầu, nhịp giảm đột ngột đầu ngày không kích hoạt áp lực bán tháo, lực cung tiếp tục được tiết chế trên nhiều nhóm ngành đến cuối phiên. Bên cạnh đó, hoạt động mua giá thấp gia tăng tại nhóm Vật liệu, Bảo hiểm và Tiêu dùng. Nhóm Ngân hàng và Bất động sản cũng được hỗ trợ từ lực cầu, dù ở mức thăm dò.
- Diễn biến cung cầu cho thấy VN-Index vẫn được giữ nhịp nhờ sự luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành trong bối cảnh áp lực bán chưa ở mức cao. Do đó, xác suất cao chỉ số sẽ tiếp tục hồi phục về vùng 1.670–1.700 điểm, với ngưỡng hỗ trợ gần tại 1.650 điểm.
- Tuy nhiên, lực mua hiện vẫn mang tính cục bộ, cho thấy VN-Index vẫn đang trong nhịp hồi kỹ thuật. Áp lực bán hoàn toàn có thể gia tăng trở lại tại vùng 1.670–1.700 điểm, đặc biệt ở nhóm Ngân hàng.
- Khuyến nghị hạn chế mở mới các vị thế ngắn hạn trên diện rộng. Đối với các cơ hội mang tính chọn lọc, nhóm Bảo hiểm, Bán lẻ, Chứng khoán và Bất động sản là các nhóm có xác suất tăng giá cao hơn trong nhịp hồi và ít chịu áp lực bán hơn mặt bằng chung.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	84,500	75,400	12.1%	71,000	82,500	80,000	92,000
REE	26/03/2026		Đang mở	70,000	70,900	-1.3%	65,800	79,000		
PC1	26/03/2026		Đang mở	29,150	28,100	3.7%	26,000	31,500		
CTD	26/03/2026		Đang mở	84,000	83,600	0.5%	80,400	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	129,500	-2.34%	3.11%	997,931	-5.334	1,468	6.8	88.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	29,150	5.62%	11.69%	145,963	1.874	1,041	2.4	28.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	58,000	-1.36%	0.69%	484,629	-1.508	4,210	2.2	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,050	-2.16%	4.77%	264,464	-1.303	4,454	1.5	7.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	184,600	6.95%	24.56%	67,564	1.074	8,918	8.4	20.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	33,100	3.12%	15.73%	132,400	0.943	1,406	2.3	23.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,000	-2.76%	1.23%	126,060	-0.795	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBB	25,750	-1.53%	3.00%	207,416	-0.725	3,325	1.5	7.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,900	1.51%	5.49%	206,470	0.713	2,013	1.6	13.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	80,800	-1.58%	0.37%	194,966	-0.706	4,730	2.9	17.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	39,450	-1.00%	2.60%	287,199	-0.659	4,276	1.7	9.2	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,100	-1.32%	8.75%	207,075	-0.627	3,024	1.2	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	61,200	2.17%	2.00%	115,375	0.573	3,150	1.9	19.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	74,800	2.05%	5.65%	108,154	0.506	2,710	3.1	27.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	34,000	-2.44%	-3.27%	82,787	-0.462	1,613	2.9	21.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	161,200	9.96%	21.84%	32,240	5.194	10,115	6.2	15.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	82,700	-1.19%	6.03%	74,412	-1.438	17,478	4.2	4.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,100	-2.29%	8.23%	18,268	-0.675	434	1.7	39.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	10,700	-1.83%	3.88%	20,594	-0.611	0	1.5	181,712.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	16,700	-2.34%	12.84%	15,021	-0.568	1,500	1.2	11.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	23,600	-1.26%	6.79%	15,748	-0.320	1,882	2.0	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	31,100	-1.27%	-1.58%	11,973	-0.246	264	2.7	118.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PMC	138,600	10.00%	6.62%	1,293	0.209	8,819	5.4	15.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PRE	22,800	5.07%	6.54%	2,380	0.195	2,295	1.4	9.9	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
IDC	48,800	0.62%	15.09%	18,520	0.185	5,090	2.9	9.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	90,800	-3.40%	11.14%	276,990	-1.483	3,063	6.8	29.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOX	87,200	4.56%	13.54%	63,565	0.455	4,627	5.8	18.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	52,000	2.97%	18.99%	56,174	0.262	10	4.6	4,972.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	52,200	2.35%	12.02%	60,891	0.225	1,622	4.3	31.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGR	86,400	15.66%	23.78%	7,062	0.174	6,040	5.9	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	45,100	-0.66%	5.13%	160,545	-0.167	3,026	2.3	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	40,000	-6.98%	8.11%	8,948	-0.098	-368	5.9	-115.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
DCF	44,800	14.87%	34.13%	2,307	0.054	1,640	3.5	26.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PAP	26,000	3.59%	0.00%	9,282	0.052	-2,119	4.8	-12.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	15,900	1.92%	7.43%	16,442	0.050	420	1.6	37.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

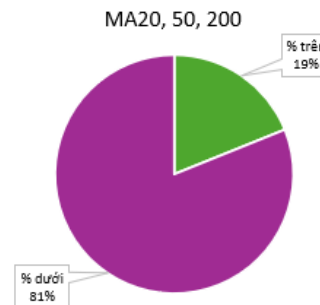
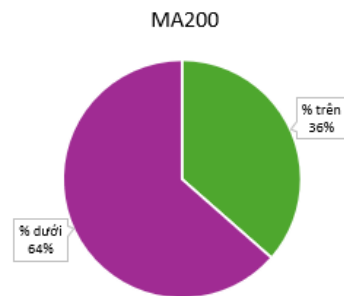
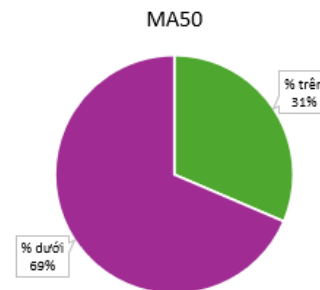
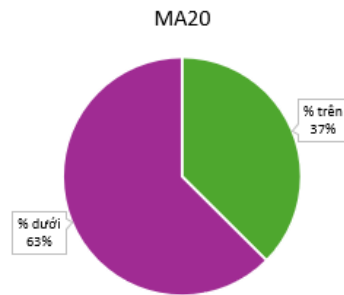
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PET	47,400	1.9%	34.9	87.6	16,453	47,150	2.1	19.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	49,300	2.5%	33.8	38.2	16,273	49,100	4.2	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	14,000	3.7%	13.1	5.3	8,280	13,800	1.2	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	49,100	-5.2%	339.8	451.0	51,700	103,379	1.2	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VMS	54,900	1.7%	19.8	0.7	16,761	63,000	3.2	36.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MKP	32,000	0.0%	11.5	0.5	23,600	35,300	0.6	188.0	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VGR	86,400	15.7%	19.7	1.3	43,502	88,000	5.9	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			30/03/2026	27/03/2026	26/03/2026	25/03/2026	24/03/2026	23/03/2026	20/03/2026	19/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	31%	31%	28%	29%	26%	24%	30%	31%
		Dưới	69%	69%	72%	71%	74%	76%	70%	69%
	MA50	Trên	26%	25%	23%	24%	19%	16%	23%	24%
		Dưới	74%	75%	77%	76%	81%	84%	77%	76%
	MA20	Trên	39%	39%	29%	28%	18%	14%	20%	20%
		Dưới	61%	61%	71%	72%	82%	86%	80%	80%
VN30	MA200	Trên	37%	40%	27%	30%	20%	23%	33%	50%
		Dưới	63%	60%	73%	70%	80%	77%	67%	50%
	MA50	Trên	0%	0%	0%	3%	0%	0%	3%	7%
		Dưới	100%	100%	100%	97%	100%	100%	97%	93%
	MA20	Trên	33%	27%	23%	20%	10%	7%	10%	13%
		Dưới	67%	73%	77%	80%	90%	93%	90%	87%
HNX	MA200	Trên	40%	38%	38%	38%	36%	36%	39%	40%
		Dưới	60%	62%	62%	62%	64%	64%	61%	60%
	MA50	Trên	35%	33%	31%	32%	27%	29%	33%	36%
		Dưới	65%	67%	69%	68%	73%	71%	67%	64%
	MA20	Trên	40%	38%	38%	38%	36%	36%	39%	40%
		Dưới	60%	62%	62%	62%	64%	64%	61%	60%
UPCOM	MA200	Trên	35%	33%	31%	31%	27%	25%	28%	29%
		Dưới	65%	67%	69%	69%	73%	75%	72%	71%
	MA50	Trên	33%	32%	31%	32%	29%	28%	30%	32%
		Dưới	67%	68%	69%	68%	71%	72%	70%	68%
	MA20	Trên	38%	37%	37%	38%	36%	37%	39%	39%
		Dưới	62%	63%	63%	62%	64%	63%	61%	61%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 3																			
		30 +	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09	06	05	04	03
➤	1 Y tế	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-
	2 Điện, nước & xăng d...	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81
	3 Bảo hiểm	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54
	4 Bán lẻ	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69
➤	5 Tài nguyên Cơ bản	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57
6	Xây dựng và Vật liệu	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50
7	Ô tô và phụ tùng	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54
	8 Dầu khí	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83	90	91	93	92
9	Bất động sản	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30
10	Hàng cá nhân & Gia ...	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69
11	Hàng & Dịch vụ Côn...	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68
➤	12 Hóa chất	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81
➤	13 Thực phẩm và đồ ướ...	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44
14	Ngân hàng	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49
15	Dịch vụ tài chính	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52
16	Du lịch và Giải trí	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36
17	Công nghệ Thông tin	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GEE	184,600	7.0%	24.6%	67,564	8.4	20.7	8,918	334.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	87,200	4.6%	13.5%	63,565	5.8	18.6	4,627	56.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BVH	84,500	0.6%	12.5%	62,726	2.6	21.2	3,996	64.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,600	1.4%	5.8%	20,134	1.2	5.5	2,643	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
IDC	48,800	0.6%	15.1%	18,520	2.9	9.6	5,090	128.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,100	-2.3%	8.2%	18,268	1.7	39.4	434	46.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	60,000	3.4%	9.3%	14,527	2.8	10.7	5,601	34.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	29,150	0.2%	15.0%	11,989	1.8	11.4	2,553	328.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	62,500	1.1%	10.0%	8,469	2.1	16.5	3,789	14.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KOS	39,050	0.0%	0.9%	8,454	3.6	448.7	87	15.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	27,900	0.0%	13.2%	8,032	1.7	7.1	3,926	38.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGR	86,400	15.7%	23.8%	7,062	5.9	14.2	6,040	19.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEG	16,900	-0.3%	6.6%	6,055	1.4	10.2	1,663	52.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	47,400	1.9%	19.7%	5,059	2.1	19.6	2,415	34.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSH	37,250	-1.5%	4.8%	4,191	2.2	6.8	5,456	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MIG	19,800	2.1%	13.1%	4,188	1.6	12.8	1,542	11.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNG	25,700	0.0%	13.2%	3,308	1.7	8.1	3,172	53.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	49,300	2.5%	0.9%	3,016	4.2	23.1	2,134	33.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	39,200	1.2%	10.9%	2,647	2.0	28.0	1,399	33.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	13,400	-1.5%	2.3%	1,566	1.1	12.2	1,104	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	49,100	-5.2%	-5.0%	18,647	1.2	6.2	7,965	339.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	9,950	-1.0%	0.6%	1,908	0.9	21.5	463	6.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
APG	5,600	-2.6%	1.3%	1,252	0.5	229.3	24	5.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	28,900	-2.0%	-1.0%	54,188	1.6	12.6	2,298	29.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDC	49,000	-0.7%	-1.0%	14,201	2.0	27.1	1,807	7.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	23,250	-3.3%	1.5%	9,957	2.3	30.0	774	9.3	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
NTP	55,000	-0.9%	0.9%	9,407	2.2	9.5	5,805	8.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	25,050	-2.1%	4.6%	8,680	2.0	21.6	1,161	15.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGT	12,100	-2.4%	3.4%	6,064	0.8	7.0	1,745	21.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	40,350	-2.4%	3.5%	4,785	2.2	12.7	3,172	13.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	14,050	-2.4%	3.3%	3,822	1.3	13.3	1,053	12.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	26,950	-2.0%	4.5%	2,978	1.9	14.3	1,891	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	16,000	-2.7%	0.0%	1,831	0.7	11.8	1,351	15.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,650	-2.3%	2.4%	1,771	0.8	5.8	2,177	17.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTF	18,350	0.0%	0.0%	1,755	1.8	172.8	106	5.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,000	-1.4%	0.7%	484,629	2.2	13.8	4,210	322.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	45,100	-0.7%	5.1%	160,545	2.3	14.8	3,026	21.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	60,600	-1.5%	-0.3%	126,651	4.1	13.5	4,503	247.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
FPT	74,000	-2.8%	1.2%	126,060	3.5	13.4	5,515	579.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
LPB	41,950	0.4%	1.9%	125,316	2.7	11.0	3,824	43.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,230	6.95%	23.80%	13,600	101.2%	581	0.7	12.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	49,100	-5.21%	-5.03%	91,200	76.1%	7,965	1.2	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,000	-3.45%	-4.44%	25,500	75.9%	357	1.1	39.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,050	-1.33%	8.54%	43,700	65.5%	936	1.6	27.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DXG	14,300	-2.05%	9.58%	24,000	64.4%	229	1.1	62.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	28,750	-2.04%	8.90%	45,800	56.0%	1,805	1.1	15.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,000	-2.76%	1.23%	116,600	53.2%	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSI	26,550	-1.85%	4.53%	40,800	50.8%	1,975	2.1	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	36,300	0.97%	12.91%	54,000	50.2%	1,638	1.8	22.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	29,250	-0.85%	8.13%	42,400	43.7%	1,916	1.6	15.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,100	-1.32%	8.75%	38,000	43.7%	3,024	1.2	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	45,100	-0.66%	5.13%	64,600	42.3%	3,026	2.3	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,800	-1.75%	6.54%	64,100	40.6%	3,130	2.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,850	-3.15%	10.36%	20,000	39.9%	884	0.7	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	31,800	3.58%	17.56%	42,500	38.4%	2,450	1.2	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	21,850	-2.02%	2.82%	30,800	38.1%	2,208	1.2	9.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	74,800	2.05%	5.65%	101,200	38.1%	2,710	3.1	27.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,200	-0.43%	4.04%	31,900	36.9%	168	1.5	138.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	17,050	0.89%	6.56%	23,100	36.7%	1,726	0.9	9.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	42,750	-0.93%	2.89%	58,700	36.0%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn